



*Move your world*

ĐƯỜNG DÂY NÓNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG  
CUSTOMER SERVICE HOTLINE

Hotline: 1800 1524  
Mobile: 0916 001 524  
Email: tmv\_cs@toyotavn.com.vn

VAY TỪ TOYOTA - MUA XE TOYOTA



# FORTUNER

LƯỚT HÀNH TRÌNH  
ĐẬM DẤU ẤN



5 NĂM  
BẢO HÀNH  
HOẶC 150.000KM  
(Tùy điều kiện nào đến trước)

NHIÊN LIỆU ĐAU  
EURO5  
[ĐẦU 0,0015-V]







*Fortuner tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu phân khúc SUV không chỉ với những cải tiến vượt trội mang đến khả năng vận hành mạnh mẽ và những tiện nghi tối ưu trên mọi hành trình. Diện mạo lịch lãm và phong cách giúp tôn lên vị thế của chủ sở hữu, Fortuner sẵn sàng cùng bạn khai phá những trải nghiệm mới.*

**LƯỚT HÀNH TRÌNH - ĐẬM DẤU ẤN**



# PHIÊN BẢN LEGENDER

Một phiên bản nâng tầm vị thế của Fortuner.  
Mạnh mẽ cá tính đậm chất SUV.



## PHẦN ĐẦU XE

Thiết kế phần đầu xe với lưới tản nhiệt khỏe khoắn kết hợp với đèn LED cool ngầu mang lại vẻ hiện đại và trẻ trung cho một chiếc SUV đô thị.

## CỤM ĐÈN TRƯỚC

Được thiết kế riêng biệt cho phiên bản Legend, cụm đèn trước LED gồm hai bóng chiếu xa, hai bóng chiếu gần tích hợp dải đèn chiếu sáng ban ngày, góp phần nâng tầm phong thái hào hoa cho chiếc xe.



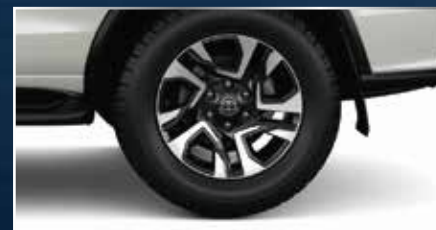
## CỤM ĐÈN SAU

Ấn tượng với thiết kế hiện đại, đậm chất thể thao phù hợp với phong cách SUV. Thiết kế mới giúp tăng độ nhận diện vào ban đêm, tăng độ an toàn khi lái xe.



## ĐÈN SƯƠNG MÙ

Đèn sương mù LED tách rời tạo điểm nhấn đặc biệt cho phần thiết kế phía trước.



## MÂM XE

Phiên bản Legend được trang bị mâm xe 18 inch gồm hai tông màu đen-bạc sang trọng và thể thao.

# PHIÊN BẢN TIÊU CHUẨN

Uy thế không thể chối từ của Fortuner – chiếc SUV hàng đầu phân khúc, với sự sang trọng tinh tế.



(BẢN 2.7 4X2AT)

## PHẦN ĐẦU XE

Nhằm tôn lên vẻ ngoài khỏe khoắn mà sang trọng, lưới tản nhiệt và ốp cản trước được mở rộng cùng với thiết kế liền mạch giữa hai bên đầu xe.

## CỤM ĐÈN TRƯỚC

Cụm đèn trước gồm đèn LED và đèn chiếu sáng ban ngày LED được thiết kế thon gọn cùng đường nhấn sắc sảo, hiện đại giúp làm nổi bật uy thế của Fortuner.



## CỤM ĐÈN SAU

Thiết kế hài hòa vuốt dọc từ hai bên thân xe cùng dải đèn LED chiếu sáng tối ưu vào ban đêm.



## ĐÈN SƯƠNG MÙ

Đèn sương mù LED kết hợp tinh tế với thiết kế liền mạch giữa hai bên đầu xe.



## MÂM XE

Thể hiện phong cách mạnh mẽ mà sang trọng nhờ kích thước lớn 17 inch và 6 chấu kép.



# NỘI THẤT HOÀN HẢO



## CỤM ĐỒNG HỒ

Tất cả các phiên bản của Fortuner đều được trang bị cụm đồng hồ hiển thị đa thông tin Optitron sắc nét, màn hình TFT để dàng cung cấp những thông tin hữu ích cho người lái trên mọi cung đường.



## TAY LÁI

Cảm nhận sự vững chãi và sang trọng khi đặt tay lên vô lăng với chất liệu cao cấp, tích hợp nhiều nút bấm điều khiển tiện lợi cùng khả năng điều chỉnh 4 hướng giúp người lái dễ dàng tìm vị trí lái thích hợp.



## CẦN SỐ

Công nghệ gia công hoàn thiện xuất sắc, kết hợp với thiết kế hiện đại và chất liệu cao cấp bọc da, mạ bạc, ốp gỗ.



# VẬN HÀNH MẠNH MẼ

## ĐỘNG CƠ (1GD)

Ở phiên bản 2.8 Legender, với những tinh chỉnh trong thiết kế, giúp động cơ của Fortuner thuộc TOP động cơ mạnh nhất phân khúc khí công suất đạt 201 hp / 3400 v/p và mô men xoắn đạt 500 Nm / 1600 v/p. Với công nghệ mới giúp tiết kiệm nhiên liệu và giảm tiếng ồn từ động cơ.

## ĐỘNG CƠ (2GD)

Trên các phiên bản 2.4L, Fortuner được trang bị động cơ đầu 2GD-FTV 4 xy-lanh thẳng hàng, với công nghệ turbo tăng áp biến thiên.

## ĐỘNG CƠ (2TR)

3 phiên bản nhập khẩu 2.7L được trang bị động cơ xăng 2TR-FE cải tiến, 4 xy-lanh thẳng hàng, 16 van, trục cam kép, VVT-i kép, đảm bảo tính năng vận hành êm ái và dễ dàng. Hệ thống van phối khí thông minh VVT-i kép là một tiến bộ bậc nhất trong việc tiết kiệm nhiên liệu và khả năng nhanh chóng đạt tốc độ cao và an toàn ngay khi xuất phát.



## GÀI CẦU ĐIỆN

Với cơ chế gạt cầu điện, khả năng vận hành của các phiên bản 2.8 Legender và 2.7 4x4 AT Legender vẫn mạnh mẽ mà tiện nghi và dễ sử dụng.



## KHÓA VI SAI CẦU SAU

Tính năng khóa vi sai cầu sau được trang bị trên các phiên bản 2.8 Legender và 2.7 4x4AT Legender, giúp khách hàng trải nghiệm cảm giác chinh phục với những cung đường địa hình khó khăn.



## CHẾ ĐỘ LÁI ECO VÀ SPORT

Tùy vào hành trình di chuyển, chủ sở hữu có thể chọn chế độ ECO giúp tối ưu hóa tính năng tiết kiệm nhiên liệu; và chế độ SPORT giúp tối ưu hóa tính năng vận hành (vượt xe, vượt đèo, chở tải).



## HỘP SỐ

Các phiên bản của Fortuner được trang bị hộp số tự động 6 cấp giúp chuyển số nhịp nhàng, tăng tốc tốt hơn, vận hành mượt mà hơn, và tiết kiệm nhiên liệu hơn.



## HỆ THỐNG TRỢ LỰC LÁI THỦY LỰC BIẾN THIÊN THEO TỐC ĐỘ (VFC)

Hệ thống hỗ trợ điều khiển xe nhẹ nhàng ở tốc độ thấp và ổn định tối ưu ở tốc độ cao cùng khả năng đáp ứng nhanh nhạy, tạo cảm giác lái thoải mái tự nhiên.

# TIỆN NGHI - ĐẲNG CẤP



## MÀN HÌNH CẢM ỨNG

Fortuner được trang bị màn hình cảm ứng lớn hiển thị đa thông tin với các tính năng kết nối điện thoại thông minh gia tăng trải nghiệm cho người dùng.



## MỞ CỐP RÀNH TAY

Chức năng mở cốp rãnh tay được trang bị trên phiên bản 2.8 Legender và 2.7 4x4 AT Legender giúp thao tác mở cốp đơn giản và nhẹ nhàng.



## HỆ THỐNG ÂM THANH

Hệ thống 11 Loa JBL đẳng cấp được trang bị trên các phiên bản Legender mang đến chất lượng âm thanh sắc nét, trung thực cho mọi hành khách trên xe.



## CAMERA TOÀN CẢNH 360

Camera toàn cảnh 360 độ được trang bị trên các phiên bản Legender, gồm 4 camera (trước, sau, trái, phải) hỗ trợ lái xe an toàn, tránh bị va chạm, trầy xước xe khi di chuyển hay đỗ xe tại các khu vực hẹp.



# ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ AN TOÀN

Bên cạnh các tính năng an toàn bị động và chủ động tiên tiến, trên phiên bản 2.8L 4x4AT Legendier còn được tích hợp tính năng an toàn cao cấp TOYOTA SAFETY SENSE – một chuẩn mực mới mang đến sự yên tâm trên mọi hành trình cũng như góp phần đảm bảo sự an toàn cho tất cả mọi người.

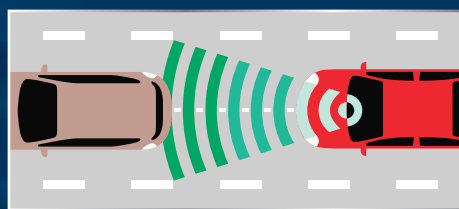


Toyota Safety Sense



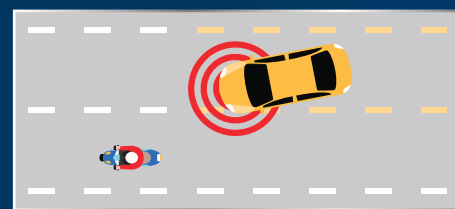
## HỆ THỐNG CẢNH BÁO TIỀN VÀ CHẠM (PCS)

Là hệ thống an toàn chủ động, khi phát hiện va chạm có thể xảy ra với phương tiện khác, hệ thống sẽ cảnh báo người lái đồng thời kích hoạt phanh hỗ trợ khi người lái đạp phanh hoặc tự động phanh khi người lái không đạp phanh.



## HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN HÀNH TRÌNH CHỦ ĐỘNG (DRCC)

Là công nghệ an toàn chủ động sử dụng radar gắn dưới lưới tản nhiệt phía trước cùng với camera để phát hiện các phương tiện phía trước, đồng thời tự động điều chỉnh tốc độ để đảm bảo khoảng cách an toàn với các phương tiện đang lưu thông.



## HỆ THỐNG CẢNH BÁO LỆCH LÀN (LDA)

Hệ thống cảnh báo người lái bằng âm thanh và đèn hiệu cảnh báo khi xe bắt đầu rời khỏi làn đường mà không bật tín hiệu rẽ.



## TÚI KHÍ

7 túi khí được trang bị giúp giảm thiểu tối đa chấn thương cho người lái và hành khách trong trường hợp không may xảy ra va chạm.



## HỆ THỐNG CẢNH BÁO PHƯƠNG TIỆN CẮT NGANG PHÍA SAU (RCTA)

Hệ thống phát hiện các xe di chuyển đến gần vùng khó quan sát và đưa ra cảnh báo cho người lái.



## CẢM BIẾN HỖ TRỢ ĐỔ XE

Hệ thống gồm 6 cảm biến đặt phía trước và phía sau xe giúp phát hiện và cảnh báo có vật tĩnh bằng âm thanh và đèn hiệu, hỗ trợ người lái xử lý tình huống nhanh chóng và an toàn.



## HỆ THỐNG HỖ TRỢ KHỞI HÀNH NGANG ĐỐC (HAC)

Khi người lái chuyển từ chân phanh sang chân ga để khởi hành ngang dốc, hệ thống HAC sẽ tự động tác động phanh tới cả 4 bánh xe trong vòng khoảng 2 giây, nhờ đó giúp chiếc xe không bị trôi dốc và dễ dàng khởi hành hơn.



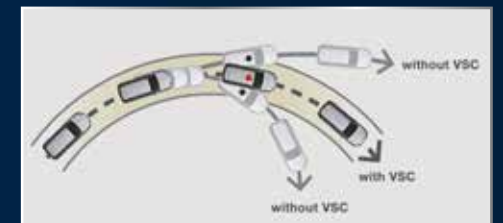
## HỆ THỐNG HỖ TRỢ ĐỔ ĐỀU (DDAC)

(Được trang bị trên phiên bản 2.8L 4x4 AT Legendier và 2.7L 4x4 AT Legendier)  
Hỗ trợ người lái trong các tình huống xuống dốc, đặc biệt hữu hiệu trong các địa hình khó khăn, mang đến khả năng vượt địa hình tuyệt vời.



## HỆ THỐNG CẢNH BÁO ĐIỂM MÙ (BSM)

Khi chuẩn bị chuyển làn đường, người lái sẽ được thông báo nếu có xe khác đang ở trong hoặc chuẩn bị tiến vào vùng mù, vốn là những vị trí khuất tầm nhìn trên gương chiếu hậu ngoài xe giúp cải thiện những hạn chế trong phạm vi quan sát của gương chiếu hậu (các phiên bản Legendier).



## HỆ THỐNG CÂN BẰNG ĐIỆN TỬ (VSC)

Hệ thống VSC điều tiết công suất động cơ và phân bố lực phanh hợp lý tới từng bánh xe, nhờ đó giảm thiểu nguy cơ mất lái và trượt bánh xe đặc biệt trên các cung đường trơn trượt hay khi vào cua gấp.



## HỆ THỐNG KIỂM SOÁT LỰC KÉO (A-TRC)

(Được trang bị trên phiên bản 2.8L 4x4 AT Legendier và 2.7L 4x4 AT Legendier)  
Hệ thống A-TRC tác động lên áp suất phanh ở mỗi bánh xe, nhờ đó giúp chiếc xe có thể dễ dàng tăng tốc và khởi hành trên đường trơn trượt.



# PHỤ KIỆN

## NỘI THẤT



ỐP BẠC LÊN XUỐNG  
(4 CHIẾC/BỘ)



KHAY HÀNH LÝ

## TIỆN ÍCH



BƠM LỐP ĐIỆN TỬ

## ĐIỆN TỬ



CAMERA HÀNH TRÌNH  
PHÍA TRƯỚC (GEN 3)



ĐÈN CỬA HIỆN CHỮ  
(1 ĐÈN/BỘ)



BỘ HIỂN THỊ TỐC ĐỘ



GẤP GƯƠNG TỰ ĐỘNG

## NGOẠI THẤT



VIỀN TRANG TRÍ ĐÈN HẬU  
(MẠ CRÔM) (2 CHIẾC/BỘ)



BỘ ỐP TAY CỬA MẠ CRÔM -  
4 CỬA (CÓ VIỀN MẠ CRÔM)



BỘ ỐP TAY CỬA MẠ CRÔM -  
4 CỬA (CHỈ CÓ CHÉN CỬA)



BỘ ỐP SƯỜN XE MẠ CRÔM  
(2 BÊN)



BỘ ỐP SƯỜN XE  
(MÀU GHI XÁM) (2 BÊN)



ỐP TRANG TRÍ NẮP CA-PÔ  
MẠ CRÔM (2 CHIẾC/BỘ)



ỐP TRANG TRÍ NẮP CA-PÔ  
(MÀU GHI XÁM) (2 CHIẾC/BỘ)



ỐP TRANG TRÍ BIỂN SỐ SAU  
MẠ CRÔM



ỐP TRANG TRÍ CẢN SAU  
MẠ CRÔM



CHỤP ỐNG XẢ



ỐP BẠC LÊN XUỐNG  
BẢO VỆ CẢN SAU



VÈ CHE MƯA



BIỂU TƯỢNG  
FORTUNER (ĐEN)



BIỂU TƯỢNG  
FORTUNER (CRÔM)



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATION FULL LIST)		2.4 4x2 AT	2.4 4x2 AT LEGENDER	2.8 4x4 AT LEGENDER	2.7 4x2 AT	2.7 4X2 AT LEGENDER	2.7 4X4 AT LEGENDER
<b>ĐỘNG CƠ &amp; KHUNG XE / ENGINE &amp; CHASSIS</b>							
Kích thước / Dimensions	Kích thước tổng thể bên ngoài / Overall Dimension (L x W x H)	mm	4795 x 1855 x 1835				
	Chiều dài cơ sở / Wheelbase	mm	2745				
	Khoảng sáng gầm xe / Ground clearance	mm	279				
	Bán kính vòng quay tối thiểu / Minimum turning radius	m	5.8				
	Dung tích bình nhiên liệu / Fuel Tank Capacity	L	80				
Động cơ / Engine	Loại động cơ / Engine model Code	2GD-FTV (2.4L)		1GD-FTV (2.8L)	2TR-FE (2.7L)		
	Xy-lanh / No of Cyls	4 xy-lanh thẳng hàng					
	Dung tích xy-lanh / Displacement	2393		2755	2694		
	Hệ thống nhiên liệu / Fuel system	Phun nhiên liệu trực tiếp sử dụng đường ống dẫn chung, tăng áp biến thiên / Common rail direct injection & Variable nozzle turbocharger (VNT)			Phun xăng điện tử / Electronic fuel injection		
	Loại nhiên liệu / Fuel type	Dầu / Diesel			Xăng / Petrol		
	Công suất tối đa / Max output (hp)	Kw(Hp)/rpm	110 (147) / 3400		150 (201) / 3400	122 (164) / 5200	
	Mô men xoắn tối đa / Max torque	Nm/rpm	400 / 1600		500 / 1600	245 / 4000	
Tiêu chuẩn khí thải / Emission standard		Euro 5					
Tiêu thụ nhiên liệu / Fuel Consumption	Ngoài đô thị / Highway	7.68	7.74	6.9	<b>Cấp nhật sau</b>		
	Kết hợp / Combine	8.47	8.71	7.8			
	Trong đô thị / City	9.83	10.39	9.3			
<b>TRUYỀN LỰC / POWER TRAIN</b>							
Loại dẫn động / Drivetrain	Dẫn động cầu sau / RWD		Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử / Part-time 4WD , electronic transfer switch	Dẫn động cầu sau / RWD		Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử / Part-time 4WD , electronic transfer switch	
Hộp số / Transmission type	Số tự động 6 cấp / 6AT						
Chế độ lái / Multi drive mode	Có / With						
<b>KHUNG GẮM / BODY &amp; CHASSIS</b>							
Hệ thống treo / Suspension	Trước / Front	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng / Double wishbone with torsion bar					
	Sau / Rear	Phụ thuộc, liên kết 4 điểm / Four links with torsion bar					
Hệ thống lái / Steering system	Trợ lực tay lái / Steering type	Thủy lực biến thiên theo tốc độ / Hydraulic (VFC)					
Vành & lốp xe / Tire & wheel	Loại vành / Type	Mạ đúc / Alloy					
	Kích thước lốp / Size	265 / 65R17	265 / 60R18	265 / 65R17	265 / 60R18		
Phanh / Brake	Trước / Front	Đĩa tản nhiệt / Ventilated disc					
	Sau / Rear	Đĩa / Disc					
<b>NGOẠI THẤT / EXTERIOR</b>							
Cụm đèn trước / Headlamp	Đèn chiếu gần/Đèn chiếu xa / Lo-beam/Hi-beam	LED					
	Đèn chiếu sáng ban ngày / DRL (Daytime Running Light)	Có / With					
	Hệ thống điều khiển đèn tự động / Auto light control	Có / With					
	Hệ thống cân bằng góc chiếu / Headlamp leveling system	Tự động / Auto (ALS)					
	Chế độ đèn chờ dẫn đường / Follow me home	Có / With					
Cụm đèn sau / Taillamp	LED						
Đèn báo phanh trên cao / Highmounted stop lamp	LED						
Đèn sương mù / Foglamp	Trước / Front	LED					
	Sau / Rear	Có / With					
Gương chiếu hậu ngoài / Outer mirror	Chức năng điều chỉnh & gấp điện / Power adjust & fold	Có / With					
	Tích hợp đèn báo rẽ / Turn signal lamp	Có / With					

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATION FULL LIST)		2.4 4x2 AT	2.4 4x2 AT LEGENDER	2.8 4x4 AT LEGENDER	2.7 4x2 AT	2.7 4X2 AT LEGENDER	2.7 4X4 AT LEGENDER
<b>NỘI THẤT / INTERIOR</b>							
Tay lái / Steering wheel	Loại tay lái / Type	3 chấu / 3-spoke					
	Chất liệu / Material	Urethane	Bạc da, ốp gỗ, mạ bạc / Leather, wood, silver ornamentation				
	Nút bấm điều khiển tích hợp / Steering switch	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay / Audio switch, MID, hands-free phone	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay/cảnh báo chệch làn đường/audio switch, mid, hands-free phone, LDA	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay / Audio switch, MID, hands-free phone			
Gương chiếu hậu trong / Inner mirror	2 chế độ ngày và đêm / Day & night	Chống chói tự động / EC		2 chế độ ngày và đêm / Day & night	Chống chói tự động / EC		
Cụm đồng hồ / Instrument cluster	Đèn báo chế độ Eco / Eco indicator	Có / With					
	Màn hình hiển thị đa thông tin / MID (Multi Information Display)	Có (màn hình màu TFT 4.2") / With (color TFT 4.2")					
Ghế / Seating	Chất liệu / Material	Da / Leather		Nỉ / Fabric	Da / Leather		
Ghế trước / Front	Điều chỉnh ghế lái / Driver's seat	Chỉnh điện 8 hướng / 8 way power		Chỉnh tay 6 hướng / 6 ways manual	Chỉnh điện 8 hướng / 8 way power		
	Điều chỉnh ghế hành khách / Front passenger's seat	Chỉnh điện 8 hướng / 8 way power		Chỉnh tay 4 hướng / 4 ways manual	Chỉnh điện 8 hướng / 8 way power		
<b>TIỆN NGHI / CONVENIENCE</b>							
Hệ thống điều hòa / Air conditioner	Tự động 2 vùng / Auto 2 zone						
Cửa gió sau / Rear air duct	Có / With						
Hệ thống âm thanh / Audio	Màn hình / Display	Màn hình cảm ứng 7" / 7" touch screen	Màn hình cảm ứng 9" / 9" touch screen	Màn hình cảm ứng 7" / 7" touch screen	Màn hình cảm ứng 9" / 9" touch screen		
	Số loa / Number of speaker	6	11 loa JBL / 11 JBLs	6	11 loa JBL / 11 JBLs		
	Kết nối đa phương tiện / Smartphone connect, USB, Bluetooth	Có / With					
Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm / Smart key & push start	Có / With						
Khóa cửa điện, Chức năng khóa cửa từ xa / Power door lock, Wireless door lock	Có / With						
Cốp điều khiển điện / Power back door/trunk	Không có / Without	Mở cốp rảnh tay / Kick active		Không có / Without	Có / With		
Hệ thống điều khiển hành trình / Cruise control	Có / With						
<b>AN NINH - HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM / SECURITY - ANTI - THEFT SYSTEM</b>							
Hệ thống báo động / Alarm	Có / With						
Hệ thống mã hóa khóa động cơ / Immobilizer	Có / With						
<b>AN TOÀN CHỦ ĐỘNG / ACTIVE SAFETY</b>							
Hệ thống an toàn Toyota / Toyota safety sense	Cảnh báo lệch làn đường / LDA	Không có / Without		Có / With	Không có / Without		
	Cảnh báo tiền va chạm / PCS	Không có / Without		Có / With	Không có / Without		
	Điều khiển hành trình chủ động / DRCC	Không có / Without		Có / With	Không có / Without		
Chống bó cứng phanh / ABS (Anti-block Brake System)	Có / With						
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp / BA (Brake Assist)	Có / With						
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử / EBD (Emergency Brake Distribution)	Có / With						
Hệ thống cân bằng điện tử / VSC (Vehicle Stability Control)	Có / With						
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc / HAC (Hill Start Assist Control)	Có / With						
Đèn báo phanh khẩn cấp / EBS (Emergency Brake Signal)	Có / With						
Hệ thống cảnh báo điểm mù / BSM (Blind Spot Monitor)	Không có / Without	Có / With		Không có / Without	Có / With		
Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau / RCTA (Rear Cross Traffic Alert)	Không có / Without	Có / With		Không có / Without	Có / With		
Hệ thống kiểm soát lực kéo / TRC (Traction Control)	Có / With		Có (A-TRC) / With (A-TRC)	Có / With		Có (A-TRC) / With (A-TRC)	
Hệ thống hỗ trợ đổ đèo / DAC (Downhill Assist Control)	Không có / Without		Có / With	Không có / Without		Có / With	
Camera / Camera	Camera lùi / Back camera	Camera 360		Camera lùi / Back camera	Camera 360		
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe / Sensor	Sau, Góc trước, Góc sau / Back, Front Corner, Rear Corner	Có / With					
<b>AN TOÀN BỊ ĐỘNG / PASSIVE SAFETY</b>							
Túi khí / SRS airbag	Túi khí người lái & hành khách phía trước, Túi khí đầu gối người lái, Túi khí rèm, Túi khí bên hông phía trước / Driver & Front passenger, Driver's knee, Curtain, Front Side						Có / With
Dây đai an toàn / Seat belt	3 điểm ELR, 7 vị trí / 3 points ELRx7						

**MÀU NGOẠI THẤT**



040 - Trắng



1D6 - Bạc



4V8 - Nâu Đồng



218 - Đen



089 - Trắng Ngọc Trai



2P5 (089/218) Trắng Ngọc Trai Nóc Đen



2VN (4V8/218) Nâu Đồng Nóc Đen

**MÀU NỘI THẤT**



Đỏ - Đen



Đen